

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 238/2018/DS-ST

Ngày: 18/5/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn – Thư ký Toà án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận Thủ Đức đã xét xử công khai vụ án thụ lý số 450/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Địa chỉ: 89 đường A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Thanh Hà - Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 11043/2018/UQ-VPB ngày 16/5/2018). (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 30 đường số A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2017, bản tự khai và các biên bản khác, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP A và ông Huỳnh Minh T thực hiện ký 02 hợp đồng như sau:

1. Ngày 12/12/2014, ông Huỳnh Minh T ký đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2425637 với Ngân hàng TMCP A, với nội dung thỏa thuận như sau:

Số tiền vay: 70.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn vay: 48 tháng; lãi suất cho vay: 27%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T chỉ thanh toán được 03 kỳ với tổng số tiền là 7.264.000 đồng, trong đó tiền gốc là: 2.572.838 đồng, tiền lãi là 4.691.162 đồng. Kể từ ngày 20/3/2015, ông T không tiếp tục thanh toán tiền cho Ngân hàng. Tính đến ngày 18/5/2018, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 67.427.162 đồng, nợ lãi là 89.250.959 đồng.

2. Ngày 14/7/2014, Ngân hàng TMCP A và ông Huỳnh Minh T ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/4848/HĐTD/UPL, với nội dung thỏa thuận như sau:

Số tiền vay: 50.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất cho vay: 27%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T thanh toán được 08 kỳ với tổng số tiền bao gồm cả gốc và lãi là 16.466.000 đồng. Từ ngày 15/3/2015, ông T không tiếp tục thanh toán tiền cho Ngân hàng. Tính đến ngày 18/5/2018, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 42.093.560 đồng, nợ lãi là 54.970.648 đồng.

Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/5/2018 là 253.742.329 đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng sau ngày xét xử đến khi thanh toán dứt nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình ông T có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu trách nhiệm liên đới đối với vợ ông T (nếu có).

Bị đơn ông Huỳnh Minh T: đã vắng mặt trong suốt quá trình Toà án nhân dân quận Thủ Đức tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đến khi xét xử mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát quận Thủ Đức trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

- Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận định:

1. Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn ông Huỳnh Minh T cư trú tại quận Thủ Đức nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Huỳnh Minh T đến Tòa để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử vụ án. Phiên tòa được mở lần thứ 02 nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Việc bị đơn vắng mặt không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Minh T.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về nội dung:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Minh T thanh toán tổng số tiền còn nợ của 02 hợp đồng tín dụng số 2425637 ngày 12/12/2014 và số HCM/14/4848/HĐTD/UPL ngày 14/7/2014 là 253.742.329 đồng, tạm tính đến ngày 18/5/2018. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2425637 ngày 12/12/2014 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/4848/HĐTD/UPL ngày 14/7/2014; căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định ông Huỳnh Minh T ký hợp đồng với Ngân hàng TMCP A vào ngày 14/7/2014 để vay 50.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng, thời hạn vay: 36 tháng, lãi

suất cho vay: 27%/năm. Sau đó vào ngày 12/12/2014, ông T tiếp tục ký hợp đồng để vay 70.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất cho vay: 27%/năm.

Các bên ký 02 hợp đồng lần lượt vào các ngày 14/7/2014 có thời hạn vay là 36 tháng và ngày 12/12/2014 có thời hạn vay là 48 tháng. Xét thấy thỏa thuận của các bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành vào ngày 01/01/2017) do đó căn cứ vào Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đối với hợp đồng số 2425637 ngày 12/12/2014, kể từ ngày 20/3/2018, ông T không thanh toán tiền cho Ngân hàng, đến ngày 18/5/2018 ông T còn nợ tiền gốc là 67.427.162 đồng, nợ tiền lãi là 89.250.959 đồng; đối với hợp đồng số HCM/14/4848/HĐTD/UPL ngày 14/7/2014, kể từ ngày 15/3/2018, ông T không thanh toán tiền cho Ngân hàng, đến ngày 18/5/2018 ông T còn nợ tiền gốc là 42.093.560 đồng, nợ tiền lãi là 54.970.648 đồng.

Trong hợp đồng tín dụng, các bên đã thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ gốc và lãi, thỏa thuận về lãi suất theo biểu lãi suất của Ngân hàng, bị đơn không thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Xem xét yêu cầu trả tiền nợ gốc, tiền lãi suất của Ngân hàng là phù hợp thỏa thuận được quy định trong hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005.

Trong khi đó, bị đơn ông Huỳnh Minh T vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình toà án tiến hành điều tra thu thập chứng cứ đến khi xét xử, mặc dù Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho phía bị đơn. Bị đơn không có ý kiến phản hồi về vụ án và tự từ bỏ quyền tranh tụng tại tòa để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Từ những nhận định trên và căn cứ vào lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A, buộc ông Huỳnh Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/5/2018 của 02 hợp đồng tín dụng ngày 12/12/2014 và ngày 14/7/2014 là 253.742.329 đồng. Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Huỳnh Minh T phải chịu án phí trên số tiền 253.742.329 đồng phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc ông Huỳnh Minh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng cộng số tiền tính đến ngày 18/5/2018 là 253.742.329 (Hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm hai mươi chín) đồng; trong đó: nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 2425637 ngày 12/12/2014 là 67.427.162 (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi hai) đồng, nợ lãi là 89.250.959 (Tám mươi chín triệu hai trăm năm mươi ngàn chín trăm năm mươi chín) đồng; nợ gốc của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/4848/HĐTD/UPL ngày 14/7/2014 là 42.093.560 (Bốn mươi hai triệu không trăm chín mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi) đồng, nợ lãi là 54.970.648 (Năm mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi ngàn sáu trăm bốn mươi tám). Thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Huỳnh Minh T phải chịu là 12.687.116 (Mười hai triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn một trăm mười sáu) đồng.

2.2. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp đã nộp là 5.434.878 (Năm triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn tám trăm bảy mươi tám) đồng theo biên lai thu số 37264 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP A, ông Huỳnh Minh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Thủ Đức;
- THA DS Q. Thủ Đức;
- TATP;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nga